

## Phụ lục 2

### CÁCH TÍNH ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

#### I. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<b>Tổng điểm</b>		<b>100</b>	
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
2	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
3	Tỷ lệ đơn vị có mạng cục bộ (LAN)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
4	Hệ thống an toàn báo cháy, nổ tại phòng máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
5	Hệ thống an toàn chống sét tại phòng máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	

#### II. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<b>Tổng điểm</b>		<b>350</b>	
1	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng		25	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
2	Ứng dụng chữ ký số		20	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
3	Quản lý nhân sự		25	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
4	Quản lý khoa học - công nghệ		20	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
5	Quản lý kế toán - tài chính		25	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6	Quản lý tài sản		20	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7	Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo		20	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
8	Thư điện tử chính thức của cơ quan		30	
	- Tỷ lệ đơn vị đã triển khai	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	8	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	- Tỷ lệ đơn vị thường xuyên sử dụng	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử chính thức	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	8	
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
9	Tin học hóa việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa		20	
	- Cách thức triển khai	Đồng bộ: 6 điểm; Riêng lẻ: 3 điểm	6	
	- Khả năng liên thông của hệ thống	Theo chiều ngang: 4 điểm; Theo chiều dọc: 3 điểm	7	
	- Tra cứu thông tin và trạng thái hồ sơ	Qua màn hình cảm ứng: 2 điểm; Qua Internet: 3 điểm; Qua SMS: 2 điểm	7	
10	Ứng dụng chuyên ngành khác	- 1 ứng dụng đơn (ứng dụng trong một cơ quan): 1 điểm - 1 ứng dụng triển khai cho toàn tỉnh được 2 điểm - Tổng điểm tối đa là 100 điểm	100	
11	Trang bị và sử dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình		20	
	- Tỷ lệ cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình trên tổng số cuộc họp giữa cơ quan với các cơ quan thuộc, trực thuộc được thực hiện trong năm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	6	
	- Tỷ lệ cuộc họp qua hội nghị truyền hình trên tổng số cuộc họp giữa cơ quan và địa phương được tổ chức trong năm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
	- Tỷ lệ cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình giữa cơ quan với các cơ quan khác trên tổng số cuộc họp được thực hiện trong năm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
12	Trao đổi văn bản trên môi trường mạng		25	
	- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ cơ quan	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
	- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan bên ngoài	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	

### III. Hạng mục Trang/Công thông tin điện tử

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
1	Thông tin giới thiệu			
1.1	- Thông tin giới thiệu chung (sơ đồ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và đơn vị trực thuộc, tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan)	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	2	
1.2	- Thông tin về lãnh đạo của cơ quan (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo	2	Cập nhật khi có sự thay đổi

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<i>điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị)</i>	<i>bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ</i> - Không cung cấp: 0 điểm..		
1.3	- Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan (bao gồm địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin)	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	2	Cập nhật khi có sự thay đổi
1.4	- Thông tin chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức)	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	2	Cập nhật khi có sự thay đổi
2	Thông tin chỉ đạo điều hành			
2.1	- Thông tin chỉ đạo, điều hành: Ý kiến chỉ đạo điều hành của thủ trưởng cơ quan	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	2	Cập nhật thường xuyên (biên độ trễ thời gian cập nhật: 1 tuần)
2.2	- Thông tin chỉ đạo, điều hành: Ý kiến xử lý phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức cá nhân	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	2	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 6 tháng
2.3	- Thông tin chỉ đạo, điều hành: Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	- Có Mục Khen thưởng, Xử phạt riêng: 1 điểm - Thông tin cập nhật đều hàng tháng (tháng nào cũng có tin) trong vòng 12 tháng: 6 điểm - Thông tin cập nhật đều hàng 2 tháng trong vòng 12 tháng: 5 điểm - Thông tin cập nhật đều hàng 3 tháng trong vòng 12 tháng: 3 điểm - Thông tin cập nhật đều hàng 6 tháng trong vòng 12 tháng: 2 điểm - Thông tin cập nhật trong vòng 12 tháng: 1 điểm - Không cung cấp/không cập nhật trong vòng 12 tháng: 0 điểm.	7	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng
2.4	- Thông tin chỉ đạo, điều hành: Lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan	- Cung cấp đầy đủ hàng tuần: 2 điểm. - Cung cấp đầy đủ hàng tháng: 1 điểm - Không cung cấp: 0 điểm.	2	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 1 tuần
3	Thông tin tuyên truyền			
3.1	- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	1	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng
3.2	- Tuyên truyền về chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	1	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng
4	Thông tin chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển	- Điểm tối đa đạt được khi: Mỗi lĩnh vực quản lý của cơ quan đều có nội dung và phải cung cấp văn bản đầy đủ (Không nhất thiết phải có đủ cả	10	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
		<i>Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch).</i> - Nếu chỉ đưa tin sẽ không được tối đa; Giảm điểm theo bước 0,5 theo mức độ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.		
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật			
5.1	- Danh sách các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu)	- Thông tin cập nhật đều hàng tháng trong vòng 12 tháng: 3 điểm - Thông tin cập nhật đều hàng Quý trong vòng 12 tháng: 2 điểm - Thông tin cập nhật đều hàng 6 tháng trong vòng 12 tháng: 1 điểm - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
5.2	- Phân loại các văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực, ngày ban hành, cơ quan ban hành, hình thức văn bản	- Có phân loại theo lĩnh vực: 1 điểm. - Có phân loại theo ngày ban hành: 0,5 điểm - Có phân loại theo cơ quan ban hành: 0,5 điểm - Có phân loại theo hình thức văn bản (Luật, Nghị định, Thông tư,...): 1 điểm	3	
6	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư			
6.1	- Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đã triển khai, các dự án đã hoàn tất	- Có phân loại loại từng hạng mục dự án (dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đã triển khai, các dự án đã hoàn tất): 1 điểm - Có cập nhật danh sách các dự án trong vòng 12 tháng: 4 điểm - Không cập nhật danh sách dự án trong vòng 12 tháng: 2 điểm - Không cập nhật danh sách dự án trong vòng 24 tháng: 1 điểm - Không cung cấp: 0 điểm.	5	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng
6.2	- Mỗi dự án cần có các thông tin gồm: tên dự án; mục tiêu chính; lĩnh vực chuyên môn; loại dự án; thời gian thực hiện; kinh phí dự án; loại hình tài trợ, nhà tài trợ; tình trạng dự án	- Mỗi dự án có đầy đủ thông tin và được cập nhật trong vòng 12 tháng: 10 điểm - Mỗi dự án có đầy đủ thông tin nhưng không được cập nhật trong vòng 12 tháng: 6 điểm - Không cung cấp: 0 điểm. * <b>Điểm trừ:</b> thiếu một tiêu chí trừ 0,5 điểm	10	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng
7	Thông tin về dịch vụ công trực tuyến			
7.1	- Thông báo danh mục các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công trực tuyến đang thực hiện	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	10	
7.2	- Với mỗi dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến có nêu rõ quy trình, thủ tục, hồ sơ, nơi tiếp nhận, tên và thông tin giao dịch của người trực tiếp xử lý hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí.	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
7.3	- Đối với mỗi dịch vụ hành chính công trực tuyến: có nêu rõ mức độ của dịch vụ hành chính công trực tuyến không?	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không: 0 điểm.	2	
7.4	- Các dịch vụ công trực tuyến được tổ chức, phân loại theo ngành, lĩnh vực	- Phân loại đầy đủ: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	2	
8	Thông tin chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học			
8.1	- Danh sách các chương trình, đề tài bao gồm: mã số; tên chương trình/đề tài; cấp quản lý; lĩnh vực; đơn vị chủ trì; thời gian thực hiện	- Có cập nhật danh sách các đề tài trong vòng 12 tháng: 5 điểm - Không cập nhật danh sách dự án trong vòng 12 tháng: 2 điểm - Không cập nhật danh sách dự án trong vòng 24 tháng: 1 điểm - Không cung cấp: 0 điểm. <b>* Điểm trừ:</b> thiếu một tiêu chí trừ 0,25 điểm	5	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 12 tháng
8.2	- Kết quả các chương trình, đề tài sau khi đã được hội đồng nghiệm thu khoa học thông qua bao gồm: báo cáo tổng hợp; báo cáo kết quả triển khai áp dụng của công trình, đề tài	- Cập nhật đầy đủ kết quả tất cả các đề tài của năm trước trong vòng 18 tháng: 15 điểm - Cập nhật không đầy đủ kết quả tất cả các đề tài của năm trước trong vòng 18 tháng: Giảm theo tỉ lệ đề tài có báo cáo/trông số đề tài của năm - Không cung cấp: 0 điểm. <b>* Điểm trừ:</b> - Thiếu Báo cáo tổng hợp (b/c toàn văn kết quả) trừ tối đa 80% điểm; - Thiếu Báo cáo kết quả triển khai áp dụng trừ tối đa 20% điểm	15	Đề xuất: Biên độ trễ thời gian cập nhật là 18 tháng
9	Thông tin báo cáo, thống kê	1. Thống kê tổng hợp: Tối đa 5 điểm như sau + Có báo cáo tổng hợp hàng tháng trong các lĩnh vực quản lý của Bộ: 5 + Có báo cáo tổng hợp hàng Quý trong các lĩnh vực quản lý của Bộ: 4 + Có báo cáo tổng hợp hàng năm trong các lĩnh vực quản lý của Bộ: 3 2. Thống kê chi tiết: Tối đa 15 điểm như sau + Có đầy đủ số liệu thống kê chi tiết hàng tháng trong các lĩnh vực quản lý của Bộ: 15 + Có đầy đủ số liệu thống kê chi tiết hàng Quý trong các lĩnh vực quản lý của Bộ: 13 + Có đầy đủ số liệu thống kê chi tiết hàng năm trong các lĩnh vực quản lý của Bộ: 10	15	Nếu có cả báo cáo thống kê, tổng hợp và chi tiết thì tối đa là 15
10	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	- Cập nhật thường xuyên và đầy đủ thông tin trong vòng 3 ngày: điểm tối đa. - Cập nhật thường xuyên và không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5	15	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
		(sau 03 ngày trừ 0,5 điểm; sau 5 ngày trừ 1 điểm; sau 1 tuần trừ 2 điểm; sau 10 ngày không cập nhật tin trừ 3 điểm; sau 15 ngày trừ 5 điểm; sau 1 tháng không cập nhật tin tức trừ 8 điểm) - Không cung cấp: 0 điểm.		
11	Thông tin tiếng nước ngoài			
11.1	- Sơ đồ cơ cấu tổ chức	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	3	Cập nhật khi có sự thay đổi
11.2	- Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	5	Cập nhật khi có sự thay đổi
11.3	- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	5	Cập nhật khi có sự thay đổi về nhân sự
11.4	- Thông tin giao dịch: địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,25 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	2	Cập nhật khi có sự thay đổi
11.5	- Thông báo các quy trình thủ tục liên quan đến người nước ngoài	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	5	Cập nhật khi có sự thay đổi
12	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) giai đoạn 5 năm	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Không có hoặc Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 0 điểm.	2	Kiểm tra trên Trang/Cổng thông tin điện tử hoặc qua văn bản gửi về Cục
13	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Không có hoặc Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 0 điểm.	2	Kiểm tra trên Trang/Cổng thông tin điện tử hoặc qua văn bản gửi về Cục
14	Quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	2	Kiểm tra trên Trang/Cổng thông tin điện tử hoặc qua văn bản gửi về Cục
15	- Trang/Cổng thông tin điện tử có công bố quy định về bảo vệ thông tin cá nhân theo quy định của Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT - Quy định về ATTT	- Có thông báo rõ các quy định về đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang chủ: 1,5 điểm - Có thông báo và hướng dẫn trên cổng thông tin điện tử cho cá nhân	2	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
		<i>biết về hình thức, phạm vi và mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin cá nhân tại các nơi có biểu mẫu thu thập thông tin cá nhân như góp ý, hỏi đáp, liên hệ,...: 0,5 điểm</i>		
16	Trang/Cổng thông tin điện tử của Bộ có tích hợp/link tới Trang/Cổng thông tin điện tử của các đơn vị thuộc, trực thuộc	- Có tích hợp đầy đủ: điểm tối đa - Có link: 5 - Không có: 0 điểm	20	- <b>Tích hợp:</b> Thông tin được tự động tổng hợp và đưa vào mục tổng hợp và đọc ngay tại Trang/Cổng thông tin điện tử có tiêu đề, người đọc không phải truy cập đến Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin gốc. - <b>Link:</b> Chỉ đưa đường liên kết đến Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin gốc.
17	Xin ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật			Đề xuất: biên độ trễ thời gian là 12 tháng
17.1	- Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách cần xin ý kiến	- Cung cấp đầy đủ (trong đó có nêu rõ thời hạn xin ý kiến): 2 điểm. - Không đầy đủ: 1 điểm. - Không cung cấp: 0 điểm.	2	
17.2	- Trả lời tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức cá nhân đối với các văn bản xin ý kiến	- Cung cấp đầy đủ (mỗi ý kiến góp ý đều có trả lời tiếp thu, giải thích bảo lưu): 3 điểm. - Không đầy đủ (có thể chỉ có 1 báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải thích bảo lưu): 1,5 điểm. - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
18	Có chức năng tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1	
19	Đăng đầy đủ các câu hỏi, trả lời trong mục Trao đổi – Hỏi đáp đối với những vấn đề có liên quan chung	- Có đầy đủ (mỗi câu hỏi đều có trả lời): 5 điểm - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	5	Đề xuất: biên độ trễ thời gian là 06 tháng
20	Các chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin (tăng, giảm cỡ chữ; bộ đọc bài viết, ...)			
20.1	Có chức năng tăng/giảm cỡ chữ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
20.2	<i>Có chức năng đọc bài viết tự động</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
20.3	<i>Có chức năng thay đổi độ tương phản</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
20.4	<i>Các chức năng khác (cung cấp phím tắt để truy cập chức năng, thông tin trên Trang/Cổng thông tin điện tử; cung cấp Văn bản thay thế cho hình ảnh trong Trợ giúp; Cung cấp thông tin mô tả cho các ảnh để bộ đọc có thể đọc được;...)</i>	Mỗi chức năng thêm 1 điểm	1	
21	Sử dụng công cụ đa phương tiện (audio, video, ...) để hỗ trợ trong việc truyền tải thông tin	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
22	Hỗ trợ truy cập từ các thiết bị di động cầm tay (có giao diện riêng cho thiết bị di động)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
23	Cung cấp công cụ cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá và xếp hạng đối với một số nội dung thông tin mà cơ quan cung cấp	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1	
24	Chức năng cho phép tổ chức, cá nhân theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
25	Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1	
26	Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1	
27	Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến trên Trang/Cổng thông tin điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
28	Chức năng hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1	
29	Cung cấp đầy đủ DVCTT (mức độ 1 + mức độ 2 + mức độ 3 + mức độ 4 = tổng số thủ tục hành chính)	- Có đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Giảm điểm theo bước 0,5 theo tỉ lệ đầy đủ - Không cung cấp: 0 điểm.	20	
30	Bộ có chức năng cho phép người dân đánh giá chất lượng một DVCTT không?	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	5	
31	Bộ có chức năng cho phép người dân đánh giá thái độ phục vụ của từng cơ quan chuyên môn không?	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	20	



#### IV. Hạng mục Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>DVCTT mức độ 1, 2</b>				
	Cung cấp, cập nhật đầy đủ các thủ tục hành chính và các biểu mẫu	Đánh giá theo tỉ lệ các dịch vụ được cung cấp so với số thủ tục hành chính của đơn vị trong CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	100		
<b>2</b>	<b>DVCTT mức độ 3, 4</b>	a) Điểm DVCTT mức độ $i = 100 \times (\text{Số nhóm DV mức độ } i / \text{TS nhóm DV mức độ } i \text{ cần cung cấp}) + 100 \times (\text{Số nhóm DV mức độ } i \text{ có hồ sơ/TS nhóm DV mức độ } i \text{ cần cung cấp của Bộ}) + \text{Điểm DVCTT khác}$ b) Điểm DVCTT khác: - Mỗi DVCTT khác tối đa 2 điểm (hoạt động: 1 điểm, Có hồ sơ: 1 điểm) - Tổng điểm tối đa không quá 150 điểm cho từng mức độ	Mỗi mức độ: 350	Mỗi DV đánh giá theo 3 mức: Trung bình, Khá, Tốt	Cách thức đánh giá chất lượng được trình bày trong phần dưới
<b>2.1</b>	<b>Bộ Công an</b>	Ví dụ: với Bộ Công an: Điểm DVCTT mức 3 = $100 \times (\text{Số nhóm DV mức } 3/5) + 100 \times (\text{Số nhóm DV mức } 3 \text{ có hồ sơ}/5) + \text{Điểm DVCTT mức } 3 \text{ khác}$			
	<b>DVCTT mức độ 3 (5)</b>				
1	Cấp hộ chiếu.				
2	Cung cấp thông tin và khai báo hộ khẩu, tạm trú, cư trú.				
3	Cung cấp thông tin và khai báo Chứng minh nhân dân.				
4	Cấp thị thực điện tử cho khách nhập cảnh vào Việt Nam.				
5	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.2</b>	<b>Bộ Tài chính</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (3)</b>				
1	Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải.				

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
2	Thu tục hoàn thuế.				
3	Triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử cho người nộp thuế thực hiện thuế đất đai, lệ phí trước bạ và cho hộ cá nhân.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.3</b>	<b>Bộ Kế hoạch và đầu tư</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (3)</b>				
1	Đăng ký kinh doanh.				
2	Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.				
3	Đấu thầu mua sắm công (Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Đăng tải thông tin về đấu thầu trên hệ thống e-GP; Thanh toán chi phí thông tin đấu thầu, chi phí lựa chọn nhà thầu; Đấu thầu điện tử).				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.4</b>	<b>Bộ Giao thông vận tải</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (6)</b>				
1	Cấp phép cho tàu ra, vào cảng biển.				
2	Cấp, cấp lại, đổi giấy phép lái xe.				
3	Cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải.				
4	Cấp, đổi biển hiệu, phù hiệu xe ô tô.				
5	Đăng ký tàu biển.				
6	Cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ - quá tải, xe bánh xích.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.5</b>	<b>Bộ Ngoại giao</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (8)</b>				
1	Cấp hộ chiếu phổ thông tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.				
2	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.				
3	Cấp hộ tịch cho công dân Việt Nam ở trong và ngoài nước.				
4	Cấp giấy miễn thị thực cho người Việt Nam ở nước ngoài.				

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
5	Đăng ký cấp thị thực trực tuyến.				
6	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong và ngoài nước.				
7	Cấp giấy thông hành tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.				
8	Ưu đãi miễn trừ cung cấp cho các Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.6</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3&amp;4 (6)</b>				
1	Thủ tục khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất (tại cửa khẩu).				
2	Cấp giấy phép Cites xuất khẩu mẫu vật vì mục đích thương mại.				
3	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y.				
4	Quản lý vật tư nông nghiệp.				
5	An toàn thực phẩm.				
6	Kiểm dịch thực vật.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.7</b>	<b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (3)</b>				
1	Cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.				
2	Cấp chứng nhận đánh giá tác động môi trường.				
3	Cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.8</b>	<b>Bộ Công Thương</b>				
	<b>DVCTT Mức độ 4 (1)</b>				
1	Đăng ký danh mục hàng nhập khẩu cho công trình, hàng nhập khẩu và tạm nhập - tái xuất cho nhà thầu nước ngoài phục vụ thi công xây dựng.				
	<b>DVCTT Mức độ 3 (5)</b>				

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
1	Cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi.				
2	Đánh giá chứng nhận và dán nhãn năng lượng.				
3	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.				
4	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương.				
5	Cấp phép hoạt động điện lực.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.9</b>	<b>Bộ Xây dựng</b>				
	<i>DVCTT mức độ 3 (4)</i>				
1	Cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng hạng 1.				
2	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1.				
3	Cấp giấy phép xây dựng (áp dụng thí điểm tại một số địa phương, một số nhóm công trình đã được thẩm tra thiết kế, công trình cấp đặc biệt).				
4	Đăng ký công nhận, công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD).				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.10</b>	<b>Bộ Y tế</b>				
	<i>DVCTT mức độ 4 (2)</i>				
1	Quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.				
2	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, vắc-xin, sinh phẩm y tế.				
	<i>DVCTT mức độ 3 (5)</i>				
1	Đăng ký thuốc, vắc - xin, sinh phẩm y tế.				
2	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.				
3	Cấp phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.				
4	Kê khai giá thuốc.				
5	Đăng ký thử thuốc trên lâm sàng.				

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.11</b>	<b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>				
	<i>DVCTT mức độ 3 (5)</i>				
1	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, sản xuất phim.				
2	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam.				
3	Cấp giấy phép cho đối tượng mời cá nhân là người Việt Nam định cư tại nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.				
4	Cấp phép phổ biến tác phẩm âm nhạc, sân khấu sáng tác tại các tỉnh phía Nam trước năm 1975 hoặc tác phẩm do người Việt Nam đang sinh sống và định cư ở nước ngoài sáng tác.				
5	Cấp phép tổ chức thi người đẹp quy mô toàn quốc (Hoa hậu toàn quốc); Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp quốc tế, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam; cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp quy mô vùng, ngành, đoàn thể Trung ương và người mẫu quy mô toàn quốc.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.12</b>	<b>Bộ Nội vụ</b>				
	<i>DVCTT mức độ 3 (5)</i>				
1	Nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển cán bộ, công chức, viên chức nhà nước				
2	Thành lập, giải thể hội, tổ chức phi chính phủ.				
3	Cấp bản sao lưu trữ.				
4	Cấp chứng thực lưu trữ.				
5	Cấp chứng chỉ hành nghề lưu trữ.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.13</b>	<b>Bộ Tư pháp</b>				
	<i>DVCTT mức độ 3 &amp; 4 (3)</i>				
1	Cấp lý lịch tư pháp.				
2	Đăng ký giao dịch bảo đảm về động sản (trừ tàu bay, tàu biển).				

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
3	Cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên và cấp phép thành lập Trung tâm trọng tài.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.14</b>	<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>				
	<i>DVCTT mức độ 3 (3)</i>				
1	Đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.				
2	Đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ.				
3	Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.15</b>	<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>				
	<i>DVCTT mức độ 3 (5)</i>				
1	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.				
2	Cấp và đổi thẻ nhà báo (báo in, điện tử, phát thanh, truyền hình).				
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký xuất bản.				
4	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài.				
5	Cấp giấy xác nhận đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
<b>2.16</b>	<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội</b>				
	<i>DVCTT mức độ 4 (3)</i>				
1	Cấp, cấp lại giấy phép lao động cho chuyên gia khoa học công nghệ làm việc tại Việt Nam.				
2	Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động.				
3	Cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.				
	<i>DVCTT mức độ 3 (2)</i>				
2	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài.				
4	Cấp, cấp lại, gia hạn, đổi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.				

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm đánh giá tối đa	Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng	Ghi chú
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
2.17	<b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>				
1	Cấp phát, quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số				
2	Tham gia hệ thống điện tử liên ngân hàng				
3	Cấp mã ngân hàng.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
2.18	<b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (1)</b>				
1	Xét tuyển đầu cấp học (bao gồm cả xét tuyển đại học, cao đẳng).				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
19	<b>Thanh tra Chính phủ</b>				
	<b>DVCTT mức độ 3 (1)</b>				
1	Xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công khai việc kết luận giải quyết qua mạng điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.				
	Các dịch vụ khác	- Mỗi DV: 1 điểm - Mỗi DV có hồ sơ được xử lý trực tuyến trong năm: 1 điểm	Mỗi DV tối đa 2 điểm	TB, Khá, Tốt	
3	<b>Chức năng tăng cường</b>				
3.1	Có 1 điểm tích hợp tất cả các DVCTT của Bộ trên cổng của Bộ không?	Có: 2 điểm Không: 0 điểm	10		
3.2	Có cung cấp cho người dân chức năng Đăng nhập một lần (Single Sign On)?	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	10		

**\* Đánh giá chất lượng theo quan điểm người dùng cho mỗi DVCTT mức 3, mức độ 4**

Nội dung	Tiêu chí	Điểm
Tìm kiếm dịch vụ	• Được hiển thị trên trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan	1
	• Dễ dàng tìm kiếm bằng các công cụ tìm kiếm phổ biến (hiển thị ở các trang đầu)	1
	• Vào đến dịch vụ sau tối đa 3 lần nhấn chuột	1
Tạo lập tài khoản để sử dụng dịch vụ	• Có cơ chế xác thực (bắt buộc người dùng phải đăng ký trước khi sử dụng dịch vụ)	1

Nội dung	Tiêu chí	Điểm
Khai báo thông tin	• Hỗ trợ việc điền thông tin, sẵn các định dạng (ví dụ như ngày, tháng hoặc danh sách quận, huyện có sẵn, chỉ cần chọn, không cần nhập).	1
	• Giải đáp chi tiết về thông tin cần nhập (đối với các thông tin chưa rõ ràng).	1
	• Có hướng dẫn (khuyến nghị bằng hình ảnh) về cách sử dụng dịch vụ.	
Nộp hồ sơ	• Có thư phản hồi xác nhận việc người dùng đã nộp hồ sơ	1
Thanh toán dịch vụ	• Hỗ trợ thanh toán phí qua mạng bằng nhiều hình thức, nhiều ngân hàng	1
Tra cứu tình trạng hồ sơ	• Nên cung cấp mã xác thực cho người dùng để kiểm tra tình trạng hồ sơ (đã xử lý hay chưa, ai đang xử lý...)	1
Nhận kết quả	• Thư điện tử báo nhận kết quả (dịch vụ cấp 4) hoặc thư báo thời gian, địa điểm để nhận kết quả (dịch vụ cấp 3).	1
Tính ổn định	• Không bị lỗi, đảm bảo khả năng kết nối liên tục	1
	• Tốc độ xử lý thông tin nhanh: Thời gian tiếp nhận và gửi lại thông tin qua Internet nhỏ hơn 5 giây	1
	• Số lần truy cập thành công vào dịch vụ tối thiểu đạt 4 trong 5 lần truy cập vào các thời điểm khác nhau	1
Hỗ trợ người khuyết tật	• Người khuyết tật có thể dễ dàng sử dụng dịch vụ?	1
<b>Tổng cộng</b>		<b>14</b>

Phân loại chất lượng sử dụng: Phân loại theo 3 mức Tốt, Khá, Trung bình như sau:

- Mức Tốt: tổng điểm  $\geq 12$
- Mức Khá:  $8 < \text{tổng điểm} < 12$
- Mức Trung bình: tổng điểm  $\leq 8$

## V. Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<b>Tổng điểm</b>		<b>140</b>	
1	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) giai đoạn 5 năm	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
3	Chương trình, kế hoạch cải cách hành chính có bao gồm nội dung ứng dụng CNTT	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	



TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
4	Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
5	Quy định khuyến khích ứng dụng CNTT trong toàn ngành	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
6	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan và các đơn vị trực thuộc	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
7	Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử của cơ quan	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
8	Quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
9	Quy định về phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong toàn ngành	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
10	Quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
11	Quy định về các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng CNTT	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 3 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	10	
12	<b>Quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin</b>	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản: một nửa điểm tối đa. Không khai báo: 0 điểm (cho từng văn bản ở dưới)	<b>30</b>	
12.1	<i>Nội quy bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong cơ quan</i>		4	
12.2	<i>Giải pháp bảo vệ, ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu</i>		2	
12.3	<i>Quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, nâng cấp và hủy bỏ các hạ tầng kỹ thuật</i>		2	
12.4	<i>Chính sách phân loại, lưu trữ, bảo vệ các danh mục bí mật nhà nước về thông tin số</i>		2	
12.5	<i>Quy trình giám sát, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho toàn hệ thống</i>		2	
12.6	<i>Quy định, thủ tục quản lý việc di chuyển các thiết bị công nghệ thông tin lưu trữ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước</i>		2	
12.7	<i>Quy định, hướng dẫn quản lý truy cập máy chủ, máy trạm</i>		2	
12.8	<i>Quy định liên quan đến việc cài đặt các phần mềm mới lên máy chủ và máy trạm</i>		2	
12.9	<i>Xây dựng kế hoạch phản ứng với các sự cố an toàn, an ninh thông tin</i>		2	
12.10	<i>Kịch bản cụ thể trong việc phối hợp xử lý sự cố an toàn, an ninh thông tin</i>		2	
12.11	<i>Thông báo trên Trang chủ cho người sử dụng biết về chính sách bảo đảm an toàn thông tin cá nhân</i>		2	
12.12	<i>Quy trình cụ thể trong việc thu thập, sử dụng và chia sẻ thông tin cá nhân trên Trang/Cổng thông tin điện tử</i>		2	
12.13	<i>Chính sách, thủ tục, quy trình giám sát các khâu tạo lập, xử lý và hủy bỏ dữ liệu</i>		2	
12.14	<i>Quy trình lưu trữ nhật ký (logfile) của hệ thống Trang/Cổng thông tin điện tử</i>		2	

## VI. Nhân lực cho ứng dụng CNTT

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<b>Tổng điểm</b>		<b>100</b>	
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách CNTT	<p>Từ 80% tỉ lệ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học trở lên: điểm tối đa.</p> <p>Từ 60% đến 79% tỉ lệ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học trở lên: 30 điểm.</p> <p>Từ 40% đến 59% tỉ lệ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học trở lên: 20 điểm.</p> <p>Từ 20% đến 39% tỉ lệ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học trở lên: 10 điểm.</p> <p>Dưới 20% tỉ lệ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học trở lên: 5 điểm.</p>	40	
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	40	
3	Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tin học cho cán bộ trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức đào tạo cho trên 50 cán bộ trong năm: điểm tối đa.</li> <li>- Tổ chức đào tạo cho 30-50 cán bộ trong năm: 15 điểm.</li> <li>- Tổ chức đào tạo cho 10-29 cán bộ trong năm: 10 điểm.</li> <li>- Tổ chức đào tạo cho dưới 10 cán bộ trong năm: 5 điểm.</li> <li>Không tổ chức: 0 điểm</li> </ul>	20	